TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2023/DS-PT
Ngày 08 tháng 6 năm 2023
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Huỳnh Thanh Tâm;

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Hai;

Ông Đào Chí Keo;

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Loan– Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Mỹ Duyên- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 92/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 117/2023/QĐXX-PT ngày 26 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 151/2023/QĐ-PT ngày 22/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Cẩm L, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 14I, đường C, khóm BK 5, phường BK, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Phan Thị V, sinh năm 1958; Địa chỉ: Lô 4C3 khu dân cư BĐ 1, phường BĐ, thành phố Long Xuyên, An Giang (theo Giấy ủy quyền được công chứng ngày 04/5/2023).

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Kim C, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Ông Trần Thanh B, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 77 Võ Trường T, phường BK, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Số 194, đường Th H, phường ML, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Lưu Q, sinh năm 1984 (vắng mặt).; địa chỉ: Số 96/6I, khóm ĐT 2, phường MP, thành phố Long Xuyên, An Giang (theo Giấy ủy quyền được công chứng ngày 08/11/2022).

3. Người kháng cáo: Bà Phạm Thị Kim C, sinh năm 1977; ông Trần Thanh B, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 77 Võ Trường T, phường BK, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Số 194, đường Th H, phường ML, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Lưu Q, sinh năm 1984, ông Q vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 07/6/2023;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phan Thị Vén trình bày:*

Bà Phan Thị Kim C, ông Trần Thanh B có vay tiền của bà Võ Thị Cẩm L nhiều lần và còn nợ, cụ thể:

- Ngày 06/3/2021, vợ chồng bà C ông B vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng trả lãi hàng tháng (có viết biên nhận). Hai bên có thỏa thuận miệng nếu không trả lãi đúng như ngày thỏa thuận thì bà L lấy lại vốn. Bà C, ông B trả lãi đến ngày 06/8/2022 được 20.000.000 đồng rồi ngưng. Từ ngày 7/8/2022 đến nay không trả lãi nữa.

- Ngày 24/08/2021, vợ chồng bà C, ông B vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, trả lãi hàng tháng (có viết biên nhận). Hai bên thỏa thuận miệng nếu không trả lãi đúng ngày như thỏa thuận thì bà L lấy lại vốn. Bà C, ông B trả lãi đến ngày 24/7/2022 được 22.000.000đồng rồi ngưng. Từ ngày 25/7/2022 đến nay không trả lãi nữa.

- Ngày 06/8/2022, vợ chồng bà C ông B vay 12.150.000.000 đồng, nói để đáo hạn Ngân hàng, thời hạn vay 01 tuần (kể từ ngày 06/8/2022 đến ngày 13/8/2022), lãi suất thỏa thuận 0,2%/ngày (có viết Biên nhận), cam kết nếu đến hạn không trả thì vợ chồng bà C, ông B sẽ thanh lý tài sản 04 căn nhà (gồm 01 căn nhà đất ở địa chỉ số 77 Võ Trường T, phường BK, 03 căn nhà đất ở địa chỉ số 194 Thoại H, phường ML) của ông bà đứng tên để giải quyết trả dứt điểm nợ vay cho bà L. Đến hạn, ông B, bà C hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả.

Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà C, ông B phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà L vốn tổng cộng 12.450.000.000 đồng (mười hai tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định pháp luật dân sự từ ngày 06/8/2022 đến khi xét xử sơ thẩm.

** Đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Lưu Quang trình bày:*

Bà C cho rằng hai biên nhận nợ vào ngày 06/3/2021 vay số tiền 200.000.000 đồng và 24/8/2021 vay 100.000.000 đồng đã trả xong nên không đồng ý trả số tiền 300.000.000 đồng.

Đối với số tiền 12.150.000.000 đồng vay ngày 06/8/2022 là do hai bên thỏa thuận hùn tiền để cho vay đáo hạn. Số tiền này bao gồm tiền vốn 4.800.000.000 đồng và lãi cộng dồn nhiều lần 7.350.000.000 đồng. Bà C chỉ đồng ý trả 4.800.000.000 đồng còn số tiền lãi 7.350.000.000 đồng bà C không đồng ý trả vì bà C cùng với bà L hùn tiền để cho vay đáo hạn từ năm 2018, bà C không có vay

tiền của bà L. Do chỉ có bà C làm ăn với bà L nên ông B không đồng ý cùng bà C liên đới trả số tiền 4.800.000.000 đồng cho bà L.

Tại Bản án số 30/2023/DS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc ông Trần Thanh B và bà Phạm Thị Kim C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị Cẩm L số tiền 13.594.500.000 đồng (mười ba tỷ năm trăm chín mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

- Buộc bà Phạm Thị Kim C phải trả cho bà Võ Thị Cẩm L số tiền 261.218.071 đồng;

+ Không chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Cẩm L buộc ông Trần Thanh B phải liên đới với bà Phạm Thị Kim C trả cho bà L số tiền vốn và lãi là 261.218.071 đồng.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 14/2022/QĐ-BPKCTT ngày 26/10/2022 về việc "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" để bảo đảm việc thi hành án. Tài sản phong tỏa là Quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp cho Phan Thị Há ngày 05/12/2000 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành R 807590, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 01188, thuộc tờ bản đồ số 29, thửa đất số 20, được ghi chú tại trang 4 thay đổi cơ sở pháp lý chuyển nhượng cho ông Trần Thanh B và bà Phạm Thị Kim C ngày 09/12/2020, trong đó: Diện tích đất ở tại đô thị là 120.4m^2 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 5001040740 ngày 09/12/2020 gắn liền với thửa đất số 20, tờ bản đồ số 29, diện tích xây dựng là 115.87m^2, tổng diện tích sử dụng là 297,91m^2, số tầng 3. Nhà và đất tọa lạc tại Số 194, đường Thoại Ngọc Hầu, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Võ Thị Cẩm L được nhận lại tiền đã gửi bảo đảm là 780.000.000 đồng (bảy trăm tám mươi triệu đồng) và lãi nếu có tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang theo Sổ tiết kiệm có kỳ hạn, số AD 000207597556, ngày phát hành là 26/10/2022.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, nghĩa vụ do chậm thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 21/3/2023, bị đơn ông Trần Thanh B và bà Nguyễn Thị Kim C kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà L do bà V đại diện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xác định số tiền lãi đối với khoản tiền vay 200.000.000 đồng theo Biên nhận ngày

06/3/2021, bà L đã nhận được tiền lãi đến ngày 06/8/2022 số tiền 68.000.000 đồng; Thống nhất với bản án sơ thẩm.

- Bị đơn ông B, bà L do ông Q đại diện vắng mặt và có gửi Văn bản trình bày về nội dung kháng cáo: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 100.000.000 đồng và 200.000.000 đồng; xem xét khoản tiền lãi của số tiền 12.150.000.000 đồng; xem xét số tiền lãi bà C đã cho bà L là 130.000.000 đồng vào ngày 28/4/2022.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, Thẩm phán đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng các nguyên tắc, phạm vi xét xử, thành phần và sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thủ tục phiên tòa được đảm bảo đúng pháp luật của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông B bà C, sửa bản án sơ thẩm về số tiền vốn và lãi mà bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn do tính toán sai về thời gian tính lãi và sửa án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Trần Thanh B và bà Phạm Thị Kim C kháng cáo trong thời hạn luật định, có nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Người kháng cáo là ông B và bà C (do ông Nguyễn Lưu Q đại diện theo ủy quyền) vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn có kháng cáo.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào lời trình bày nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có căn cứ xác định bà C có thỏa thuận vay tiền của bà L thể hiện qua hai biên nhận ngày 06/3/2021 số tiền 200.000.000 đồng và ngày 24/8/2021số tiền 100.000.000 đồng. Ông Nguyễn Lưu Quang đại diện cho bị đơn cho rằng bà C có vay số tiền trên nhưng đã trả vốn vay cho bà L nhưng bà L không thừa nhận, bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà C còn nợ bà L vốn vay 300.000.000 đồng theo 02 biên nhận ngày 06/3/2021 và ngày 24/8/2021 là có căn cứ.

Về tiền lãi, theo các biên nhận nợ không thể hiện lãi suất thỏa thuận, bị đơn cho rằng lãi suất 8%/ tháng, tuy nhiên đại diện nguyên đơn trình bày lãi suất thỏa thuận 2%/tháng và đã trả lãi trên vốn vay 200.000.000 đồng đến ngày 06/8/2022 được tổng số tiền 68.000.000 đồng, trả lãi trên vốn vay 100.000.000 đồng đến ngày 24/7/2022 được 22.000.000 đ và chấp nhận điều chỉnh lãi theo quy định của pháp luật, khấu trừ tiền lãi trả vượt quá vào vốn vay và tính lãi tiếp từ ngày 24/8/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bên xác lập hợp đồng vay có lãi và có thời hạn, nhưng do có tranh chấp về lãi suất nên áp dụng mức lãi 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự và tính lãi theo quy định của pháp luật đến ngày xét xử sơ thẩm 09/3/2023, khấu trừ tiền lãi đã trả vào vốn vay là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, việc tính lãi của cấp sơ thẩm có sai sót do xác định thời gian tính lãi không đúng, cụ thể:

- Khoản vay 200.000.000 đồng ngày 06/3/2021, tính lãi đến ngày 06/8/2022 là 1 năm 5 tháng nhưng cấp sơ thẩm xác định sai là 1 năm 5 tháng 1 ngày.

Tiền lãi được tính lại là: Tiền lãi theo quy định của pháp luật đến ngày 06/8/2022 là: 28.333.333 đồng.

Khấu trừ tiền lãi bà C đã trả 68.000.000 đồng, tiền lãi chênh lệch 39.666.667 được trừ vào vốn vay 200.000.000 đồng, còn lại là 160.333.333 đồng.

- Khoản vay 100.000.000 đồng ngày 24/8/2021, tính lãi đến ngày 24/7/2022 là 11 tháng nhưng cấp sơ thẩm ghi sai thời gian tính lãi từ ngày 14/8/2021 đến ngày 24/7/2022 dẫn đến xác định sai thời gian tính lãi là 11 tháng 11 ngày.

Tiền lãi được tính lại là: Tiền lãi theo quy định của pháp luật đến ngày 24/7/2022 là: 9.166.667 đồng.

Khấu trừ tiền lãi bà C đã trả 22.000.000 đồng, tiền lãi chênh lệch 12.833.333 đồng được trừ vào vốn vay 100.000.000 đồng, còn lại là 87.166.667 đồng.

Tổng cộng tiền vốn của 02 khoản vay sau khi điều chỉnh là: **247.500.000 đồng**.

- Thời gian tính lãi trên vốn vay còn lại theo yêu cầu của nguyên đơn là từ ngày 24/8/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 09/3/2023 là 06 tháng 13 ngày, cấp sơ thẩm xác định sai là 6 tháng 14 ngày.

Do đó, cần thiết điều chỉnh lại số tiền lãi theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

Tiền lãi theo quy định từ ngày 24/8/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 09/3/2023 là: 13.268.750 đồng.

Tổng số tiền vốn theo 02 biên nhận sau khi khấu trừ còn lại là: 247.750.000 đồng, tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm: 13.268.750 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 260.768.750 đồng, tính tròn là **260.768.000 đồng**.

Cấp sơ thẩm xác định trách nhiệm trả nợ của bà C đối với bà L đối với 02 khoản vay trên, không buộc trách nhiệm ông B liên đới cùng bà C trả nợ cho bà L là

có căn cứ, do ông B không ký tên trong biên nhận và bà L không chứng minh được bà C sử dụng tiền vào việc phục vụ cho cuộc sống gia đình. Do đó, buộc bà C có trách nhiệm trả cho bà L vốn vay và tiền lãi là: **260.768.000 đồng.**

Bà C kháng cáo cho rằng đã trả xong số nợ trên nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh, các nội dung sao kê tài khoản do bị đơn cung cấp không thể hiện được việc trả vốn, lãi tiền vay nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C.

Đối với khoản tiền vay 12.150.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 06/8/2022.

Đại diện theo ủy quyền của bà C và ông B thừa nhận bà C có lập ký tên vào biên nhận ngày 06/8/2022, số tiền mượn là 12.150.000.000 đồng nhưng cho rằng chỉ vay số tiền 4.800.000.000 đồng, còn lại 7.350.000.000 đồng là tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 0,2 %/ngày. Về phía ông B không thừa nhận việc vay tiên và ký tên trong biên nhận. Tuy nhiên, theo nội dung biên nhận thể hiện bà C mượn của bà L số tiền 12.150.000.000 đồng, thời hạn 01 tuần, biên nhận không ghi lãi suất và phiá dưới có chữ ký của bà C và chữ ký ghi tên ông B và 04 dấu vân tay. Mặc dù ông B không thừa nhận chữ ký tên và dấu vân tay trong biên nhận là của ông nhưng qua Kết luận giám định số 124/KL-KTHS (TL&ĐV-GT) ngày 29/12/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh An Giang đã kết luận dấu vân tay thứ nhất và thứ hai và chữ ký mang tên Trần Thanh B trên Biên nhận ngày 06/8/2022 cần giám định là của ông Trần Thanh B.

Đại diện bị đơn cho rằng vốn vay chỉ có 4.800.000.000 đồng, còn lại 7.350.000.000 là tiền lãi nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh. các nội dung sao kê tài khoản do bị đơn cung cấp không thể hiện được việc trả vốn, lãi tiền vay do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà C và ông B có vay và còn nợ bà L vốn vay 12.150.000.000 đồng theo biên nhận ngày 06/8/2022 là có căn cứ.

Về lãi suất, các bên thừa nhận lãi suất thỏa thuận 0,2%/ngày, tương đương 6%.tháng là cao so với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự (là 20%/năm, tương đương 1,666%/tháng). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 1,666%/tháng để tính lãi là có căn cứ. Tiền lãi tính từ ngày 06/8/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 09/3/2023 là có căn cứ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm xác định thời gian tính lãi là 7 tháng 4 ngày là lệch nhiều hơn 01 ngày. Thời gian tính lãi được xác định là 7 tháng 3 ngày như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Do đó, tiền lãi điều chỉnh lại cho đúng là: 1.437.750.000 đồng.

Tổng cộng vốn lãi là: 12.150.000.000đồng + 1.437.750.000đ = **13.587.750.000đồng**.

Về trách nhiệm trả nợ, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông B cùng có trách nhiệm liên đới cùng với bà C trả nợ cho bà L là có căn cứ vì ông B và bà C là vợ chồng và ông B có ký tên, lăn tay vào biên nhận nợ, phù hợp quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Bà C và ông B kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

Quan điểm của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà C và ông B, nhưng cần thiết sửa bản án sơ thẩm do tính toán sai về số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn đồng thời sửa án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên ông B, bà C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà C và ông B tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Kim C và ông Trần Thanh B;

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DSST ngày 09/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang do tính toán sai và sửa về án phí dân sự sơ thẩm.

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc ông Trần Thanh B và bà Phạm Thị Kim C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị Cẩm L số tiền **13.587.750.000 đồng** (mười ba tỷ năm trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- Buộc bà Phạm Thị Kim C phải trả cho bà Võ Thị Cẩm L số tiền **260.768.000 đồng** (hai trăm sáu mươi triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

+ Không chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Cẩm L buộc ông Trần Thanh B phải liên đới với bà Phạm Thị Kim C trả cho bà L số tiền vốn và lãi là 260.768.000 đồng (hai trăm sáu mươi triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 14/2022/QĐ-BPKCTT ngày 26/10/2022 về việc "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" để bảo đảm việc thi hành án. Tài sản phong tỏa là quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp cho Phan Thị Há ngày 05/12/2000 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành R 807590, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 01188, thuộc tờ bản đồ số 29, thửa đất số 20, được ghi chú tại trang 4 thay đổi cơ sở pháp lý chuyển nhượng cho ông Trần Thanh B và bà Phạm Thị Kim C ngày 09/12/2020, trong đó: Diện tích đất ở tại đô thị là 120.4m^2 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 5001040740 ngày 09/12/2020 gắn liền với thửa đất số 20, tờ bản đồ số 29, diện tích xây dựng là 115,87m^2, tổng diện tích sử dụng là 297,91m^2, số tầng 3. Nhà và đất tọa lạc tại Số 194, đường Thoại Ngọc Hầu, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Bà Võ Thị Cẩm L được nhận lại tiền đã gửi bảo đảm là 780.000.000 đồng (bảy trăm tám mươi triệu đồng) và lãi nếu có tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thành phố Long Xuyên An Giang theo Sổ tiết kiệm có kỳ hạn, số AD 00020759756, ngày phát hành là 26/10/2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

+Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị Kim C và ông Trần Thanh B phải liên đới chịu 121.587.000 đồng (một trăm hai mươi mốt triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

- Bà Phạm Thị Kim C phải chịu 13.038.000 đồng (mười ba triệu không trăm ba mươi tám nghìn đồng).

- Bà Võ Thị Cẩm L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được nhận lại số tiền 60.440.000đ (sáu mươi triệu bốn trăm bốn chục nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000822 ngày 04 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

+ Về chi phí tố tụng: Ông Trần Thanh B phải chịu 4.200.000 đồng (bốn triệu hai trăm nghìn đồng) chi phí giám định. Ông B đã nộp đủ nên không phải nộp thêm.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Phạm Thị Kim C và ông Trần Thanh B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho bà C và ông B mỗi người 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu số 0001501 và 0001502 ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang ;
- TAND TP Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP Long Xuyên;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS.

Huỳnh Thanh Tâm